

# ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

## QUYỂN 10

### PHẨM 8: TỨ Y (BỐN CHỖ NƯƠNG TỰA)

Bốn là số lượng, y là nương tựa. Nghĩa là tất cả thế gian đều nương vào đó mà được lợi ích. Nói bốn y thì có hai loại:

Một, nương vào tự pháp giữ lấy lợi ích, nếu chỉ nương vào pháp, mà chẳng nương người thì chẳng gọi là y. Nếu nương vào người thì gồm được cả pháp. Văn ghi: “Có bốn hạng người ra đời giữ gìn, xây dựng, làm lợi ích, nghĩa là mạnh mẽ nên lập ra bốn y” để trả lời câu hỏi “làm sao được rộng lớn, làm chỗ nương tựa cho chúng” ở trước.

Hỏi: Rộng lớn tức là pháp, được là thuộc về người, vậy nói thẳng rộng lớn cũng có thể nương tựa, không cần phải có người. Nếu được pháp là người thì phải có pháp?

Đáp: Ở trên hỏi về người được pháp, nay phải đáp về người được pháp. Cho nên biết từ người mà đặt tên là bốn y. Và lại, xưa thì người có lẫn lộn chân ngụy. Nay pháp lẫn lộn đại tiểu, nên nương vào người mà bỏ pháp, khiến nương vào người chân chánh để giữ lấy chánh pháp. Vì thế nương vào bốn hạng người để lập pháp bốn Y.

Xưa nương vào pháp bỏ người, thì người không có pháp, pháp chẳng cùng khắp. Như bỏ đây theo kia để tìm kiếm hư không. Nay nói người là người nắm giữ pháp chẳng bỏ đây theo kia, nên từ bốn hạng người mà lập phẩm Tứ Y. Đó là dùng ý bốn Tất-đàn để giải thích phẩm.

Hỏi: Như Lai là Bạc chánh nhân, vì sao chẳng tạo lập hình tượng Như Lai? Bốn quả chẳng phải là chánh nhân, thì đâu thể lập hình tượng bốn quả?

Đáp: Phật tuy là chánh nhân, nhưng tượng Phật xuất hiện sau khi Phật diệt độ, nên chẳng được tạo tượng Như Lai. Bốn quả tuy chẳng phải chánh nhân, nhưng bốn quả là ruộng phước chân thật, để thực hành việc hóa đạo, nên tạo tượng này.

Hỏi: Nếu nói các hình tượng khác khó làm. Vì sao kinh Thủ-lăng-nghiêm nói Bồ-tát thị hiện các thứ thân hình giáo hóa chúng sinh?

Đáp: Nếu nói chung thì có tạo tác tất cả thân, nếu nói riêng thì chỉ có bốn quả, tự có Như Lai là Như Lai, Như Lai là Tứ y, Tứ y là Như Lai, bốn y là bốn Y, bốn Y là bốn Quả, bốn Quả là bốn Quả, bốn Quả chẳng thể là bốn Y; tuy có các nghĩa như thế, nhưng nay chỉ lấy một nghĩa là bốn Y để làm hình tượng bốn quả.

Hỏi: Như Lai là bốn Y, có thể nói bốn Y là một Y chăng?

Đáp: Ở trên đã khai thác tướng thành bốn tướng, hợp bốn tướng thành một tướng. Khai thác có một trăm Giải thoát, hợp thì chỉ có Như Lai Niết-bàn. Nay từ Niết-bàn khai lập bốn y, nếu hợp thì trở lại Phật là bốn y.

Hỏi: Vì sao đầu tiên bảo nương vào Pháp, sau lại bảo nương vào Người?

Đáp: Khi Đức Phật mới ra đời thì có rất nhiều kẻ tà, nên bảo nương vào chánh pháp, bỏ người tà, về sau không có người tà, chỉ có pháp Tiểu, nên bảo nương vào người chân chánh, mà bỏ pháp Tiểu. Cũng là nói lúc đầu vì người lợi căn, cho nên bảo nương vào pháp, nay phần nhiều là người độn căn nên bảo nương vào Người. Nếu nói một cách rất ráo thì người pháp đều phải nương tựa. Văn kinh ghi: “Nương vào pháp là pháp tánh, pháp tánh tức Như Lai”. Xưa nói về hành vị của bốn y đều khác nhau. Các sư Địa luận nói trước ba mươi tâm là giai vị đệ tử, ba mươi tâm là giai vị sư, Sơ địa trở lên là y thứ hai, cũng thuộc về giai vị sư. Các sư Thành Thật cho rằng sáu tâm của Thập trụ trở xuống là giai vị đệ tử, Thất trụ trở lên là y thứ nhất thuộc về giai vị sư. Lại nói trước mười hai tâm là vị đệ tử, tâm thứ mười ba là y thứ nhất thuộc về sư. Các sư kia thấy Hoa Nghiêm nói mười ba tâm là chính, là Đạo, là Tôn, là Thắng. Lại mười bảy tâm trở lên là giai vị đệ tử, tâm thứ mười tám trở xuống là y thứ nhất thuộc giai vị sư. Lại nói mười chín tâm trở xuống là giai vị đệ tử, hai mươi tâm trở lên đến đạo chẳng chung tâm là y thứ nhất, thuộc về giai vị sư. Các sư Trung luận cho rằng Thập tín đều chẳng phải là giai vị sư. Từ sơ tâm của Thập trụ đến lục trụ là y thứ nhất thuộc giai vị sư, từ thất trụ đến thất địa là y thứ hai, Bát địa, Cửu địa là y thứ ba. Thập địa là y thứ tư. Nói theo sự khác nhau thì đầu tiên có phiền não không có Niết-bàn, sau cùng có Niết-bàn không có phiền não. Nếu nói theo không sai khác thì đầu và cuối đều có phiền não, đều có Niết-bàn. Nhưng các sư Địa luận trong nghĩa Biệt luận nghĩa Viên; còn luận Thành Thật ba mươi tâm chẳng dứt biệt hoặc, mà trong đó lại

lập y, nên nghĩa Biệt, Viên đều chẳng thành tựu. Nay y cứ theo giai vị trước Thập địa chưa dứt Biệt hoặc là Sơ y, thập địa đã dứt biệt hoặc là ba y còn lại, đây là nghĩa của Biệt giáo; nếu y cứ theo Thập tín là sơ y, ba mươi tâm và Thập địa đã dứt biệt hoặc là ba y sau, đây là nghĩa của Viên giáo. Nghĩa Viên lại có chung và riêng. Chung thì bốn mươi tâm thành lập bốn y. Riêng thì Thập tín là y thứ nhất, Sơ trụ đến lục trụ là y thứ hai, trụ thứ bảy đến trụ thứ chín là y thứ ba, thập trụ là y thứ tư. Những nghĩa khác cũng giống như thế. Các sư kia nói y thứ nhất có giai vị sư và đệ tử. Nay chẳng phải như thế, bốn y đều là giai vị sư, vì có khả năng làm chỗ nương cho tất cả thế gian; cũng đều là tử vị, vì mở mang truyền bá Phật pháp. Nếu nói riêng thì y thứ nhất là giai vị đệ tử, một y sau chỉ là giai vị sư, hai y giữa có cả giai vị sư và đệ tử...

Toàn phẩm này được chia làm tám chương: 1. Nêu danh tướng; 2. Nói về lợi ích; 3. Nói về thời gian xuất hiện; 4. Nói về gieo nhân; 5. Phán tội phước; 6. Khuyên cúng dường; 7. Phân biệt chân ngụy; 8. Hợp xửa nay.

Chương thứ nhất lại có ba: một, nêu chương khen ngợi; hai, là nêu số khen ngợi; ba, là bày tướng khen ngợi.

Phần nêu chương. Trong Đại Niết-bàn có bốn hạng người, bốn hạng này đều đặc pháp Niết-bàn, nên gọi là người trong Niết-bàn. Nếu đã đặc pháp vì sao nói sơ y có tánh phiền não? Nay nói đặc pháp có rất nhiều loại. Sơ y là tướng tự đặc pháp, ba y sau là phần chân đặc pháp. Chân và tự hợp luận đều ở trong Niết-bàn. Trong đó khen ngợi chung đức tự hành hóa tha của bốn hạng người. Nơi có Phật pháp thì chẳng khiến cho duyên khác nhiều loạn, nên nói là năng hộ. Đối với nơi không có Phật pháp thì hưng khởi, nên gọi là kiến lập. Hai là nơi có và không đều có khả năng trụ trì, nên nói là nhớ nghĩ. Ba câu này là đức tự hành. Nơi không có Phật pháp thì làm cho chúng sinh được nghe được thấy, nên nói là thương xót. Ở chỗ có Phật pháp thì làm cho thêm hưng thịnh, nên nói là nhiều lợi ích. Ở cả hai nơi có và không đều có khả năng làm nơi nương tựa. Các câu này đều khen ngợi đức hóa tha.

Từ câu “những gì là bốn...” Trở xuống là phần nêu số lượng khen ngợi.

Có tánh phiền não, nếu y cứ theo Biệt giáo thì đó là giai vị ba mươi tâm, theo Viên giáo thì định là mười tánh. Hai giai vị này đều đã dứt trừ hoặc chung, chẳng được nói là có sự phiền não; vì đã chế phục hoặc riêng, nên sự chẳng khởi nhưng còn tánh. Cho nên nói là có tánh phiền não. Nói hai quả đầu là y thứ hai, nếu theo Biệt giáo thì đó là từ

Sơ trụ đến lục trụ, nếu y theo Viên giáo, thì chỉ một đường phán định là từ Sơ trụ đến Lục trụ. Nếu y cứ theo Thông cộng thừa thì định đó là từ Kiến địa đến Bạc địa, chưa lìa dục. Nếu y theo Đại thừa thì đó là Thất địa, cũng chưa lìa nhục thân. Nói quả thứ ba là y thứ ba. Theo Biệt giáo thì xếp đó vào Bát địa và Cửu địa; nếu theo Viên giáo thì định đó là Bát trụ. Theo Tiểu thừa thì định đó là quả Bất hoàn ở cõi dục. Nếu theo Đại thừa thì định đó là Thất địa chẳng trở lại ba cõi. Quả thứ tư thì có thể tự biết. Nếu muốn phân biệt kỹ thì nên y cứ theo Viên giáo để sắp xếp.

Từ câu “vì sao, v.v...” trở xuống là phần chỉ bày tướng và khen ngợi. Có hai: một, là nêu tướng của bốn hạng người; hai, là khen ngợi chung các đức. Văn thứ nhất lại có bốn. Thứ nhất là người có thời gian. Lại có ba: Một là tướng phục đạo; hai là tướng tu hành; ba, là tướng của vị.

Tướng phục đạo: Phiền não chưa dứt nên gọi là “còn”, ngay nơi sự đã bị chế phục, nhưng thể của hoặc vẫn còn, nên gọi là Tánh. Vì thế gọi là phục đạo.

Nói về tướng tu hành. Các hạnh chế phục hoặc, chẳng ngoài Tự và Tha. Tự hành thì chẳng ngoài Giới học và Tuệ học; hóa tha chẳng ngoài sinh thiện và phá ác. Tóm lại thì chẳng ngoài hai trí Quyền Thật. Khéo biết phương tiện là Quyền trí, pháp bí mật là Thật trí, xem văn rất dễ hiểu. Tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân là xuất xứ từ kinh Di Giáo. Đó là: Ít muốn, biết đủ, xa lìa, tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh tuệ, chẳng nói suông. Tức là từ ít muốn là đạo cho đến chẳng nói suông là đạo, nói suông là chẳng phải đạo.

Nói về tướng của các vị: Có ba: Một, là dùng phàm để phân biệt Thánh; Hai, là dùng Thánh phân biệt phàm; Ba, là dùng nhân phân biệt quả để định giai vị.

Đầu tiên nói là phàm chẳng phải Thánh, tức là Bồ-tát chẳng phải Phật, chẳng phải người thứ tám tức là dùng Cộng địa để giải thích. Người thứ tám là đoạn đạo, sơ y là phục đạo, nên chẳng phải là người thứ tám. Vả lại, nếu từ sau so sánh với trước thì Bát nhân địa là thứ tám, cho nên nói chẳng phải người thứ tám.

Y thứ hai về tướng cũng có ba: một, là chứng tướng; hai, là hành tướng; ba, là vị tướng.

Trong chứng tướng có nói “nếu được chánh pháp” tức là đoạn đạo chứng; Biệt hoặc đã dứt thì Phật tánh mới hiển bày tương ưng với pháp. Nhờ tu đạo mà đắc nên nói là đắc pháp.

Về hành tướng, nói thọ trì chánh pháp tức là từ chân khởi hạnh; ví

như hạnh Tiểu thừa tu đạo cũng chẳng ngoài tự hành, hóa tha. Nhưng hạnh chứng đạo thì tâm hạnh thuần là pháp, chẳng có phi pháp. Nên nói là vật bất tịnh, thật chẳng có việc này.

Thứ ba từ câu “đó gọi là, v.v...” trở xuống là nói về giai vị thấp nhỏ để thưa hỏi.

Các sư xưa nói chưa được định sắc, vô sắc. Nếu thuận theo bốn nhãn, thì đó là được phục và thuận nhãn, chưa được Vô sinh vắng lặng. Nay nếu y cứ theo các hạng trước thì như thế. Vì dùng trước để phân biệt sau thì gọi là người thứ hai, dùng sau để phân biệt trước thì chưa được trụ xứ thứ hai và thứ ba. Theo Tiểu thừa thì Phật là bậc nhất, Thân Tử là hạng nhì, A-nan hạng ba. Trong đó vì dùng ý nghĩa trước sau đồng nhau để phân biệt, cho nên Phật là bậc nhất, y thứ tư là bậc thứ hai, y thứ ba là bậc thứ ba, người này chưa được trụ xứ thứ hai thứ ba, gọi là Bồ-tát chắc chắn đã được thọ ký ở nhân vị, chắc chắn sẽ được quả. Người này đã dứt trừ vô minh, thấy được Phật tánh, duyên đã thành thực, được tám tướng thành đạo, nên gọi là “đã được thọ ký”.

Xưa có ba cách giải thích, đều không thể hiểu. Hà Tây cho rằng người sau là từ người trước mà đặt tên, như thứ tư là từ thứ ba, thứ ba là từ thứ hai, thứ hai là từ thứ nhất, tức gọi là người thứ nhất. Cho nên chưa được trụ xứ thứ hai thứ ba, các sư Trung Quán giải thích rằng: “Hợp Thánh phàm cùng thuộc một, nhưng chỉ là y thứ nhất chưa được trụ xứ thứ hai thứ ba. Y và Tăng nhất tập thì quả thứ nhất, thứ hai, thứ ba là người y thứ hai, sơ quả chưa được y thứ hai, quả thứ hai chưa được y thứ ba. Rõ ràng là hai quả này đều chưa được đồng có công dụng, cho nên thuộc một y”. Cách giải thích này dễ thấy, chẳng giống như các sư kia.

Nay giải thích này nếu y cứ theo người y thứ nhất của Viên giáo đã dứt trừ hoặc chung xa lìa hẳn ba cõi, há có việc y thứ hai chưa được trụ xứ cõi sắc, Vô sắc ư? Nếu y cứ theo y thứ nhất là trước thập địa của Biệt giáo cũng đã dứt hoặc chung, sớm xa lìa ba cõi thì chẳng nên dùng Sắc, Vô sắc làm trụ xứ thứ hai thứ ba, cũng chẳng nên dùng Sơ quả làm trụ xứ thứ nhất, Tư-đà-hàm làm trụ xứ thứ hai.

Người thứ ba cũng có ba ý: một, là chứng tướng; hai, là hành tướng; ba, là vị tướng.

Chứng tướng rất nhiều chỉ lược nêu ba nghiệp thanh tịnh. Từ câu: “Chẳng phải báng chánh pháp” v. v... trở xuống là nói khẩu tịnh; từ câu “và bị khách trần v.v...” trở xuống là nói về ý tịnh. Từ câu “Chẳng che giấu xá-lợi v.v...” trở xuống là thân tịnh. Xương thịt che phủ, pháp thân ẩn tàng, nên gọi là Như Lai tạng. Nay pháp thân đã hiển, xá-lợi chẳng

ẩn tàng tức là thanh tịnh. Chẳng luận nói ngã tức lập lại về khẩu tịnh; thọ thân không có trùng là lập lại thân tịnh; khi chết chẳng sợ hãi là lập lại ý tịnh.

Kế là từ câu: “A-na-hàm v.v...” trở xuống là nói về hành tướng.

Gọi là Bất hoàn như trên đã nói, tức là nói ở quyển bốn, chẳng trở lại cõi Dục cho đến ba cõi, tức là vãng hạnh. Hay vào cõi Dục mà chẳng bị hai mươi lăm hữu làm nhiễm ô phạm hạnh. Qua lại đều lợi ích cho chúng sinh cho nên gọi là chu toàn.

Thứ ba, từ câu “ngôi là Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp tướng vị.

Tướng của y thứ tư cũng có ba: một, là chứng tướng; hai, là vị tướng; ba, là hành tướng. Tuy chẳng theo thứ lớp như trước, nhưng ba nghĩa đồng nhau.

Nói dứt phiền não tức giết chết hai tên giặc chung, riêng, là nói về nhân đã mất, xả bỏ gánh nặng, tức chẳng thọ hai thân phần đoạn và biến dịch, là nói về quả tiêu. Lợi mình đã thành là được điều chư Phật đã được; việc làm đã xong tức đã đến Thập Địa, học hạnh đã cùng tận tròn đầy, cũng gọi là Ứng Cúng.

Nói: “Trụ ở Thập Địa” tức là sắp xếp giai vị, để nêu lên nơi chốn.

Thứ ba từ câu “được trí tự tại v.v...” trở xuống là nói về hành tướng.

Được trí tự tại là tự hành tướng; thuận theo sự ưa muốn của chúng sinh tức là hành tướng hóa tha, muốn thành Phật thì liền thành, là kết luận về trí tự tại.

Từ câu “đó gọi là, v.v...” trở xuống là phần thứ hai, khen ngợi chung công đức tự hành và hóa tha của bốn hạng người.

Từ câu “Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói về lợi ích của sự nương tựa, bên ngoài thì phá dẹp tà ma, bên trong thì dứt sạch kết nghiệp. Công thì cùng, dụng thì diệu làm lợi ích thế gian. Theo văn có hai ý: một, là giáo hóa Thanh văn hàng phục; hai, là chẳng hóa Bồ-tát hàng phục. Phen thứ nhất hỏi và đáp. Hỏi có ba câu: một, là nói chẳng phải y; hai, là giải thích chẳng phải y; ba, là kết luận. Nói chẳng phải y, nên văn kinh ghi rằng:

Cù-sư-la, Hán dịch là Mỹ Âm.

Đức Phật đáp, có hai ý: 1) Cho phép hỏi và quán xét; 2) Chánh thức hàng ma.

Phật là duyên bên ngoài, bên trong phải rõ tín và trí. Trí thì chiếu phá tà nghi, tin thì thọ trì chánh pháp. Đối với Phật còn cần tín và trí,

huống chi những người khác.

Chánh hàng ma có hai: một, là dụ; hai, là hợp.

Trong dụ có ba: một, là dụ ma đến, hai, là dụ ma bị hàng phục; ba, là dụ ma thoái lui.

Chó trộm dụ cho ma, ngôi nhà dụ cho Phật pháp. Ban đêm vào nhà dụ cho chánh pháp suy vi, đệ tử sinh khởi vô minh là dụ cho ban đêm. Kinh Niết-bàn bản sáu quyển nói là chó giặc.

Kế đến từ câu “Nô tỳ v.v...” trở xuống là dụ hàng ma.

Trong ba thừa thì Thanh văn là thấp nhất, dụ cho nô tỳ; giết chết là dùng năm sợi dây (ngũ hệ) mà trói buộc, khiến ma nguy chẳng đi được, ý nghĩa cũng như giết chết.

Thứ ba từ câu “con chó trộm v.v...” trở xuống là dụ ma lui tan.

Từ câu “các thầy v.v...” trở xuống là hàng phục ma Ba-tuần.

Về ngũ hệ, có hai cách giải thích: một, năm thầy bị trói buộc; hai, trói buộc ở năm chỗ.

Năm thầy chết dụ cho năm thứ bất tịnh, dùng để quán hàng phục ma ái, năm sự trói buộc dụ cho năm môn quán hàng phục ma kiến. Ma kiến là trộm, ma ái là chó.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai, chẳng dạy Bồ-tát hàng ma. Chương này có hỏi và đáp. Trong lời hỏi có hai: một, nói về việc nương vào pháp cũng tự đầy đủ.

Thứ hai, nói vào việc đâu cần nương vào người.

Phật đáp, có ba ý: Một là cho phép; hai, là chánh đáp; ba, là khen ngợi. Cho phép như văn kinh ghi.

Kế đến là chánh pháp, có ba: Một là pháp; hai là dụ; ba là quy kết thành. Pháp thuyết lại có hai: Một là nêu hai chương.

Hai là giải thích Đại và Tiểu.

Hàng Thanh văn tuy có mắt trời mà lại là mắt thịt, vì chẳng thấu suốt được lý nên bị ma ngăn ngại, vì thế phải chỉ dạy. Bồ-tát tuy là mắt thịt mà lại là mắt Phật, chiếu soi cùng khắp, cõi ma tức cõi Phật. Vì thế không chỉ dạy.

Dụ thứ hai có ba: Một, dụ Phật dạy Thanh văn; hai, dụ Phật chẳng dạy Bồ-tát; ba, dụ Bồ-tát chỉ dạy Thanh văn. Thứ nhất lại có khai và hợp. Khai dụ lại có ba, là dạy phương tiện, dạy khởi niệm và dạy phá địch.

Đầu tiên dạy phương tiện, nói mạnh mẽ là dụ cho Phật tánh, yếu đuối dụ cho Thanh văn. Hàng Thanh văn thường nương vào Phật. Bốn niệm xứ là cung, năm niệm căn như tên, thần thông như giáo, năm niệm

hệ như đây.

Kế là từ câu “Lại bảo v.v...” trở xuống là chỉ dạy ba niệm cao quý.

Chẳng sợ là dạy về giới, thấy người trời là dạy về định, mạnh mẽ là dạy về tuệ.

Từ câu “bấy giờ, có người, v.v...” trở xuống là dạy phá địch, gồm có ba: ma đến, ma bị hàng phục và ma bỏ đi.

Ma không có trí tuệ nên nói là không có năng lực mạnh mẽ, biến thành thân tướng tốt đẹp, giả tạo thân tướng mạnh mẽ. Tà định là cung, tà tuệ là đao, nghề nghiệp thế gian là khí giới, vào trận la hét dụ cho năm đế, sáu ấm, mười chín giới, mười ba nhập, v.v...

Từ câu “Đối với kẻ này v.v...” trở xuống là chánh thức hàng phục.

Từ câu “Những kẻ ấy v.v...” trở xuống là nói ma lui tan.

Từ câu “Này người thiện nam...” Trở xuống là hợp dụ.

Chỉ hợp với hai ý sau, chẳng hợp với ý thứ nhất. Siêng năng bền chắc là hợp với ý chỉ dạy ba niệm cao quý ở trên.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là phần thứ hai, chẳng dạy Bồ-tát hàng ma, có ba: một, là chẳng dạy hàng ma; hai, là giải thích chẳng hàng ma; ba, là lập dụ để hiển bày.

Nói nghe kinh sâu xa, tức là nghe ma giới tức Phật giới. Vì nghĩa này cho nên chẳng dạy hàng phục.

Bên trong chuyên chở Đại thừa, bên ngoài nương vào Phật lực, các ma và giặc cướp như đom đóm gặp mặt trời, mất hết ánh sáng trên thân. Đó là giải thích ý nghĩa chẳng hàng phục.

Lập dụ để hiển bày nghĩa, tự rất dễ hiểu.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là dụ cho Bồ-tát dạy Thanh văn. Có dụ và hợp. Dụ có bốn: 1) Ma nhiếp hóa Thanh văn; 2) Thanh văn bị nhiếp hóa; 3) Dùng bốn y để hàng ma; 4) Thanh văn trở về tánh cũ, lại phát tâm. Ma dùng năng lực thần thông, biến hóa giống như rồng dữ, không có tâm từ bi. Ác ma này nhiếp hóa các Thanh văn giống như muốn hại người thì nhìn vào người ấy, là dụ cho thần thông, phun khí độc là dụ cho tà thuyết.

Kế đến, từ “vì thế v.v...” trở xuống là hàng Thanh văn chịu sự giáo hóa.

Thấy hình là thấy biến hóa, nghe tiếng là nghe sự biện thuyết, chạm thân là bị mê hoặc bởi thuật biến hóa kia, đều chết tức là mất gốc lành.



Từ câu “có thần chú thiện v.v...” trở xuống là ý thứ tư, nói về bốn y hàng ma.

Người giỏi thần chú tức là pháp lực trung đạo Đại thừa Niết-bàn.

Từ “các loài thú, v.v...” trở xuống là nói về Thanh văn trở về tánh cũ và phát tâm.

Từ câu “Thanh văn, Duyên giác, v.v...” trở xuống là hợp dụ, hợp đủ bốn dụ. Trước hợp với dụ Thanh văn để nhiếp hóa.

Kế là hợp với ma giáo hóa Thanh văn.

Từ “Người học Đại thừa v.v...” trở xuống là hợp với dụ bốn y hàng ma.

Từ “Thanh văn v.v...” trở xuống là hợp với dụ trở về tánh cũ và phát tâm.

Từ “Lại nữa, này người thiện nam v.v...” trở xuống là phần thứ ba kết thành, có ba:

1) Kết luận về Thanh văn có giáo hóa.

2) Kết luận chẳng giáo hóa Bồ-tát,

3) Kết luận cả hai ý.

Từ “Đại Niết-bàn, v.v...” trở xuống là phần khen ngợi, khen người và pháp của Bồ-tát. Đầu tiên khen ngợi người và pháp ở hiện tại. Khen ngợi người và pháp ở vị lai.

Từ câu: “Bây giờ, Đức Phật bảo v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba nói về thời gian xuất hiện bốn y. Đúng thời là có ích, phi thời là vô ích. Nếu Phật còn tại thế, chánh pháp vẫn hưng thịnh, đức còn hưng thịnh thì đạo đâu cần trợ giúp để mở mang truyền bá. Như sau khi Phật diệt độ, chánh pháp suy tàn, không thấy chẳng thuốc. Vì cần phải cứu chữa, nên mới giả lập bốn y. Văn có ba: Một là, Đức Phật nói thời gian chung; hai là, Ca-diếp hỏi riêng; ba là, Ca-diếp phân biệt. Sau đây là ý thứ nhất, nói về thời gian chung.

Thời gian sau khi Đức Phật Niết-bàn là chỉ cho ba thời chánh, tượng, mật. Đó là nói chung về thời gian.

Kế là, từ câu “Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là Ca-diếp hỏi về thời gian riêng. Gồm có hỏi và đáp. Lời hỏi có hai: Một là, sau khi diệt độ bao lâu thì chẳng đúng như pháp.

Hai, là thời gian sau khi diệt độ bao lâu thì đúng như pháp mà cứu vớt.

Kế là từ câu “Phật bảo, v.v...” trở xuống là Phật trả lời hai câu hỏi.

Bốn mươi năm sau, thời kỳ chánh pháp gồm tám mươi năm được

chia làm trước và sau, đây là nói bốn mươi năm sau. Về các thời kỳ chánh, tượng, pháp, các kinh nói khác nhau. Có kinh nói chánh và tượng pháp mỗi thời kỳ đều một ngàn năm; có kinh nói mỗi thời kỳ chỉ năm trăm năm; có kinh nói chánh pháp chỉ có năm trăm năm, tượng pháp một ngàn năm; có chỗ nói chánh pháp một trăm năm, hoặc nói tám mươi năm. Do duyên có đậm nhạt mà nói có dài ngắn. Nếu bốn mươi năm trước cách Phật còn gần, người đứng như pháp còn nhiều, bốn mươi năm sau cách Phật hơi xa, nhưng còn có người thấy Phật. Như Thích Luận nói: Ưu-ba-cúc-đa thấy một vị Tỳ-kheo-ni một trăm hai mươi tuổi, bèn hỏi về sắc tướng của Phật, oai nghi của các Tỳ-kheo. Nên biết bốn mươi năm sau còn có người thấy Phật. Sợ rằng thời gian phi pháp khởi lên, nhiều người phỉ báng chánh pháp, cho nên giải thích rằng: Chánh pháp năm trăm năm trừ bốn trăm hai mươi năm, chỉ lấy tám mươi năm mà chia làm trước sau. Bốn mươi năm đầu kinh này lưu thông cùng khắp, bốn mươi năm ẩn mất trong đất.

Có thuyết nói rằng chẳng đúng như thế. Sau khi Phật diệt độ một trăm mười sáu năm, vua lập đại hội, các bộ phái khác nhau sinh khởi chấp trước, Ưu-ba-cúc-đa chẳng thể dung hội được. Bấy giờ, Phật pháp đã suy vi dần, đâu đợi đến bốn trăm sáu mươi năm sau mới ẩn vào trong đất. Nên biết Ca-diếp và A-nan giữ gìn chánh pháp bốn mươi năm không khác với lúc Phật còn tại thế, bốn mươi năm sau thì cách Phật đã xa, chánh pháp dần suy vi. Nhưng vẫn sau, Ca-diếp hỏi Phật cách bốn mươi năm sau chánh pháp ẩn mất vào lòng đất, bao giờ thì xuất hiện trở lại. Phật đáp chánh pháp diệt, còn tám mươi năm, bốn mươi năm đầu còn lại xuất hiện, qua thời gian này thì ẩn mất, tức là đúng với lời này. Đó là việc hưng phế của chánh đạo của bốn trăm hai mươi năm sau.

Có một cách giải thích rằng: Ba mươi tuổi Phật thành đạo, nếu nói có người mười tuổi ngộ đạo, đến khi Phật diệt độ thì người ấy sáu mươi tuổi, trước sau đều thấy Phật, có thể dung hội Đại Tiểu. Sau khi Phật diệt độ bốn mươi năm, thì việc giáo hóa giống như thời Phật không khác; sau thời gian này trở đi thì người không thấy Phật; chẳng thể theo đúng chánh lý, sinh chấp đoạn chấp thường, cho nên nói ẩn mất vào lòng đất, nhưng chẳng nói một trăm ba mươi năm là vì nêu tuổi cao các căn không lạnh lợi nên không thể giữ gìn chánh pháp, do đó không nói.

Hỏi: Người mười tuổi thấy Phật mới thành đạo, vậy Ca-diếp, A-nan sinh vào ngày Phật đắc đạo, đó cũng là chẳng thấy lúc đầu, làm sao giữ gìn được chánh pháp giống như thời Phật còn tại thế?

Đáp: Hai vị này thì Ca-diếp là Trưởng tử, A-nan được Tam-muội Phật giác, chẳng nên so sánh với những người khác.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là Phật trả lời người đứng pháp có khả năng cứu giúp. Văn có hai ý là chánh đáp và khen ngợi.

Phần chánh đáp lại có hai: một, là khen chê Đại Tiểu; hai, là nói về cứu giúp. Về khen chê thì có dụ và hợp. Dụ có bốn, một là thí dụ về Đại thừa, hai, là thí dụ về Tiểu thừa; ba, là kết luận chê trách; bốn, là kết luận khen ngợi..

Gạo thơm ngon dụ cho thường, mía ngọt dụ cho lạc, đường phèn dụ cho ngã, đề hồ dụ cho tịnh, gạo xấu dụ cho vô thường, v.v...

Hợp dụ như văn đã ghi.

Từ “Người Thiện nam v.v...” trở xuống là nói về bốn y cứu giúp. Trước dụ sau hợp. Trong dụ lại có ba: một, là nói về Tiểu thừa giáo hóa; hai, là nói về Đại thừa giáo hóa; ba, là nói về Tiểu thừa được sự giáo hóa của Đại thừa. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Hàng Tiểu thừa mỗi người đều có quyền thuộc, có người thống lãnh, nên nói là như vua. Sự giáo hóa của Tiểu thừa là hạnh nhỏ nghiêng về một bên, thí như núi sâu, vào hầm vô vi, nên nói là nơi hiểm ác. Tuy có mía ngọt nhưng tham tiếc chẳng muốn ăn, sợ hết là dụ cho sự giáo hóa của Tiểu thừa, chuyên thực hành hạnh nhỏ hẹp, ngăn ngại đạo lớn. Tuy có giáo Đại thừa, nhưng dùng tâm hữu vi suy cầu mà thọ trì tụng đọc là dụ cho tham tiếc, có sở đắc là dụ cho sợ lương thực hết.

Từ câu “Có vua nước khác, v.v...” trở xuống là bốn y cứu giúp.

Dùng đạo pháp thống lãnh cai trị nên gọi là vua; Xe chở, theo sự mà giải thích thì xe chở kinh luận Đại thừa ban cho. Lại nói dùng năng lực thần thông giáo hóa, khiến cho Đại thừa mở mang truyền bá rộng lớn là dụ cho xe chở. Lại dùng trí phương tiện chỉ dạy khiến họ được Giải thoát. Hưng Hoàng nói rằng dùng thân hoàng đạo thí như xe chở. Nay nói dùng hạnh Đại thừa giáo hóa nên nói là xe chở.

Kế là, từ câu “Bốn hạng người, v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Chỉ hợp với hai ý sau, hợp năm lỗi với ý tham tiếc, gom chứa ở trên. Nói vì lợi dưỡng là nhân địa ngục, vì danh dự là nhân ngạ quỷ, vì giải pháp tăng trưởng tâm ngã mạn là A-tu-la, vì y chỉ là nhân súc sinh, vì mua bán là nhân thế trí biện thông, nghiệp của ngoại đạo.

Kế là từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là khen ngợi và khuyên bảo. Đầu tiên khen ngợi kinh, sau là khuyên người.

Vua vào núi sâu khiến núi sâu được bình an, dụ như kinh này đối

với những người có sự thấy biết nhỏ hẹp, khiến cho họ thấy cong là ngay, đất tức Kim cương dụ cho bỏ lý Tiểu thừa, liền có lý Đại thừa.

Người tức Kim cương là bỏ Tiểu thừa liền có Đại Bồ-tát.

Từ câu, “Ca-diếp bạch rằng, v.v...” trở xuống là phân biệt thời gian, gồm có hỏi và đáp.

Ý hỏi là sau khi Phật diệt độ bốn mươi năm kinh sẽ ẩn mất vào lòng đất, là mất hẳn hay lại hưng khởi. Kế là, Phật đáp tám mươi năm còn lại, có thuyết cho rằng thời chánh pháp còn tám mươi năm, thì bốn mươi năm đầu kinh lại hưng khởi, qua bốn mươi năm sau thì kinh lại ẩn mất. Có thuyết cho rằng thời chánh pháp có một ngàn năm trăm năm, còn tám mươi năm, thì bốn mươi năm đầu kinh lại xuất hiện, đến bốn mươi năm sau thì kinh ẩn mất.

Từ câu “Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư nói gieo trồng sâu cạn để hiển bày bốn y. Phần nghĩa vi diệu của kinh sâu xa, chẳng dễ gì được nghe, huống chi mong được hiển bày phân tích chỗ sâu kín mầu nhiệm. Bốn y như chỉ nam giảng nói nghĩa mầu, mở ra thì trùm khắp pháp giới, thấu lại chẳng có mảy may. Chẳng phải điều mà những người hẹp lậu làm được.

Theo văn gồm có hai là hỏi và đáp. Phần hỏi lại có ba: 1) Nêu thời kỳ ác; 2) Tìm người tốt; 3) Thỉnh đáp.

Thời kỳ ác có bốn câu: Chánh giới chánh giáo đều tiêu diệt, người ác pháp ác hưng thịnh. Bốn câu này hợp với thời có năm trước loạn. Vì sao? Vì khi chánh pháp diệt là kiến trước, chánh giới bị hủy là mạng trước, phi pháp thêm lớn là phiền não trước, không có chúng sinh đúng pháp là chúng sinh trước, thời gian là kiếp trước.

Tìm cầu người tốt có sáu câu: Tin gọi là nghe, chẳng quên sót là vâng giữ, xem văn là đọc, đọc thuộc lòng là tụng, truyền văn là biên chép, truyền nghĩa là giảng nói, đó là năm bậc Pháp sư. Lại ba nghiệp, trong đó thọ trì thuộc về ý, tụng đọc giảng nói thuộc về miệng, cúng dường biên chép thuộc về thân nghiệp.

Nơi cõi đời có năm trước ác, cũng có người ba nghiệp đúng như pháp, tức là xin trả lời về việc này.

Lời đáp có ba ý: Một, là khen ngợi câu hỏi; hai, là chánh đáp; ba, là khuyên tu. Thứ nhất như văn ghi.

Nói chín con sông, các sư xưa giải thích rằng: Gặp một vị Phật, phát một nguyện là tính một hạt cát. Tuy gặp nhiều Phật mà chẳng phát nguyện thì chẳng tính là một hạt cát. Tuy thấy một Phật, mà phát nhiều nguyện cũng chỉ tính một hạt cát; tuy phát một nguyện mà thấy nhiều

Phật, cũng chỉ tính một hạt cát. Cứ tính lường như thế đầy một sông Hằng, gọi là một Hằng hà sa. Sông Hy-liên và sông Hằng là hai sông khác nhau. Sông Hy-liên ở phía Bắc thành Câu-thi, còn gọi là Tiểu-bạt-đề, sông hằng thì đổ vào biển Đông là con sông lớn nhất trong bốn con sông ở Ấn-độ, cho nên khác với sông Hy liên.

Nếu y cứ theo hạnh thì Hy-liên chỉ dụ cho nghĩa mới nghe kinh, không phỉ báng chánh pháp; một Hằng hà thì thêm phần tin ưa; hai Hằng hà thì thêm đọc tụng, ba Hằng hà thì thêm giảng nói nghĩa cạn thấp, bốn Hằng hà thì nói một phần nghĩa; năm Hằng hà thì giảng nói thêm tám phần nghĩa; sáu Hằng hà thì thêm mười hai phần; bảy Hằng hà thì thêm mười bốn phần; tám Hằng hà thì đầy đủ mười sáu phần nghĩa. Bốn Hằng hà là từ hoặc để giải ngộ nên khó, năm Hằng hà là từ giải để ngộ nên dễ; từ sáu Hằng hà trở lên thì vào nơi sâu xa kín đáo là khó, như làm chức Thái úy thì dễ, làm đến Thừa tướng thì khó. Nghĩa này còn khó hiểu, nói mười sáu phần, thí như thế gian cho mười sáu lượng là một cân.

Tiên Tuệ nói Hy-liên dụ cho giai vị đệ tử, tám con sông Hằng dụ cho giai vị sư. Mỗi mỗi phối hợp với bốn y, v.v...

Khai Thiện, Tự Thành cho rằng chín Hằng hà đều là vị sơ y, trong đó Hy-liên đến hai Hằng hà là sơ tâm tập chủng tánh, ba Hằng hà đến năm Hằng hà là trung tâm tánh chủng tánh, sáu Hằng hà đến tám Hằng hà là hậu tâm đạo chủng tánh; cũng quá khó hiểu. Nêu toàn Phật pháp là dụ một cân, thì sơ y người đã cùng, Phật pháp đã hết, vậy đến y thứ ba, y thứ tư thì thế nào? Nếu nói sơ y là một cân, thì đó đã tự là pháp của sơ y, đâu liên quan gì đến Phật pháp.

Nay nói Hy-liên đến ba Hằng sa là y thứ nhất; một phần đến tám phần là y thứ hai; mười hai phần, mười bốn phần là y thứ ba; mười sáu phần là y thứ tư. Cho nên đầy đủ văn mà giải thích cũng rõ ràng ý vị.

Thứ ba, là từ câu “Nếu có người phát tâm v.v...” trở xuống là khuyên.

Trên nói chín Hằng hà gặp Phật dần dần đến chỗ sâu xa, sợ rằng chúng sinh bấy giờ không phát tâm, nên lại khuyên phát tâm, để mai sau giữ gìn được chánh pháp vô thượng.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là phần thứ năm nói về tội phước của hủy và tin. Ở trên nói từ Hy-liên trở lên chỉ có tin mà thôi. Nay nói từ Hy-liên trở xuống thì có tin và phỉ báng, có tội có phước. Khuyên làm phước ngăn tội. Theo văn gồm có hai: một, là nói về nhân quả tội phước; hai, là khuyên tu phước quy kết về y. Văn thứ

nhất lại có bốn: một, là nói về tướng phỉ báng.

Phật là bậc thầy của tất cả chúng sinh, nay nhập Niết-bàn, trời người đều buồn bã đau khổ, cho đến các loài trùng độc, người có lòng nhân đều quyến luyến. Chỉ có một kẻ ác nói Như Lai diệt độ thật vui thích, đó là một điều ác. Ít muốn biết đủ, thọ trì giới cấm, đầy đủ oai nghi mới gọi là Tăng; người kia đã xả bỏ tức phạm hai ác. Pháp Đại thừa là thầy của Hiền thánh, chỉ có một kẻ chống trái chẳng tin Tam bảo, tức là tướng phỉ báng.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là nói về tướng tín.

Tự hành thì sinh nghiệp lành ở ba cõi, hóa tha thì dứt ác ở hai đời, đồng nêu một bên để hiển bày tướng tin nhận.

Từ câu “Nếu có người chẳng tin, v.v...” trở xuống là nói về quả báo của kẻ phỉ báng.

Từ câu “hiện đời, v.v...” trở xuống là nói về hiện báo. Từ câu “Sau khi qua đời, v.v...” trở xuống là nói về sinh báo. Từ câu “Đời đời thường sinh, v.v...” trở xuống là nói về hậu báo.

Từ câu “Nếu có người, v.v...” trở xuống là thứ tư, nói về quả báo của người có tín tâm.

Từ câu “Thân tướng vốn xấu xí, v.v...” trở xuống là nói về chuyển báo chướng. Từ câu “Như có người xuất gia, v.v...” trở xuống là chuyển phiền não chướng. Lập dụ có nhiều loại, nếu lập dụ về giới Đại thừa là dụ cho chân giải của Thập địa; nếu lập dụ theo mười giới, là dụ cho tương tự giải trước Thập địa, như ý nói trong phẩm Thuần-đà. Ở đây lập dụ theo vô giới, đầu tiên là từ phạm phu phát tâm, là giai vị Thập trụ, tuy chưa dứt hoặc, nhưng trong nhân mà nói có quả tức là chuyển phiền não chướng. Ở trên nói người ác là y cứ theo ba báo mà nói theo chiều ngang. Ở đây nói người lành là y cứ theo ba chướng, mà nói theo chiều dọc. Lời văn đan dệt giăng bày lẫn nhau.

Từ câu “Hoặc có chúng sinh, v.v...” trở xuống là khuyên tu phước, kết luận các ý.

Văn này rất rộng, bất luận là đệ tử hay chẳng phải đệ tử, do thiện hay do ác, chỉ cần phát tâm nghe thì đã gần Bồ-đề. Do tham, do sợ hãi, do lợi dưỡng là từ ba độc mà phát tâm, còn được như thế, huống chi đối với chín Hằng sa gieo trồng các cội lành và bốn y. Tức có thể tin rằng trước sau đều có chiếu soi nhân quả của người phỉ báng chánh pháp.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ sáu khuyên cúng dường. Văn có hai ý: một, là khuyên cúng dường; hai, là

luận nghĩa. Thứ nhất lại chia làm hai: một, là khuyên cúng dường; hai, là hỏi đáp. Sau đây là văn thứ nhất.

Phàm bốn y đem lại lợi ích rất lớn, tạo nhân nơi chín Hằng hà sa sâu dày, rất khó gặp được. Cho nên khuyên cúng dường.

Đức Phật trả lời cũng có hai ý là chánh đáp và dẫn kệ. Thứ nhất như văn kinh.

Xây dựng chánh pháp là tướng ruộng phước. Hà Tây cho rằng phát giới, thọ trì Đại thừa, giải thích cho người nghe và hộ trì chánh pháp, thì đó là tướng ruộng phước. Nay văn kinh chỉ nói về hộ pháp, tức gồm các việc nên bỏ thân mạng là tướng cúng dường. Đó là dùng nặng để đoạt nhẹ.

Kế là phần kệ, đầu tiên là dẫn kệ thờ thầy.

Thứ hai là dẫn kệ thờ chủ.

*Nếu người biết pháp này*

*Hoặc già, hoặc còn trẻ*

*Thì phải nên cúng dường*

*Cung kính và lễ bái*

*Cũng như các vị trời*

*Thờ phụng trời Đế Thích.*

Thứ hai từ câu “Ca-diếp bạch v.v...” trở xuống là phần luận nghĩa. Trước hỏi sau đáp. Hỏi có lãnh chỉ và trình bày điều nghi xin đáp.

Kế là trình bày lời nghi, có ba: một, là nêu ba định; hai, là nói ba nạn; ba, là nói ba kết.

Từ câu “Những người xuất gia, v.v...” trở xuống là ba nạn.

Nếu theo giáo xưa, thì chẳng nên lễ kính. Nếu theo nghĩa nay thì nên cúng dường. Hai ý trái nhau nên lập ra câu hỏi.

Từ “Như lời Phật nói v.v...” trở xuống là kết luận. Như văn kinh ghi.

Hoặc nói ba kết, trong đó lấy câu “Tỳ-kheo giữ giới cũng có phạm” là kết luận câu “Người xuất gia không lễ kính người tại gia”.

Từ câu “Đức Phật bảo v.v...” trở xuống là phần đáp. Có hai là lược đáp và giải thích rộng.

Phần đáp lược thì văn gọn mà ý rất rộng. Vì sao? Vì ta vì hàng Bồ-tát mà nói kệ ấy, chứ chẳng phải vì hàng Thanh văn, thì trừ cả ba nghi ở ba việc. Phần trả lời rộng văn rất nhiều, mà chỉ nói về giữ lễ đối với kẻ phá giới, mà chẳng nói có tội, cho nên ý nghĩa cạn hẹp. Nhưng trả lời một điều này thì hai điều kia có thể y theo đó mà trừ diệt.

Thứ hai, là trả lời rộng, văn có ba: một, là nêu thời gian; hai, là

lập dụ; ba, là kết luận. Về thời gian, vẫn có bốn câu: 1. Thời ướ trước; 2. Cứu giúp ướ trước; 3. Hòa với ướ trước; 4. Nói về vô tội.

Nói “Như ta đã dạy ở trước” là chỉ cho đoạn văn ở trước, văn trước là Ca-diếp hỏi được Đức Phật ấn chứng thì thành Phật nói. Chánh pháp diệt là kiến trước, phá hủy chánh giới là mạng trước, phi pháp tăng trưởng là phiền não trước, tất cả Hiền thánh ẩn mất chẳng xuất hiện là chúng sinh trước, cất chứa các vật bất tịnh là kiếp trước.

Kế là, từ câu “Bốn hạng người này, v.v...” trở xuống là nói về cứu ướ trước, tức là người có khả năng cứu thoát sự ướ trước.

Người này xuất thế dẹp loạn trước, làm hưng thịnh lại chánh pháp, khiến người biết trước và chẳng trước.

Thứ ba, thấy các Tỳ-kheo tức là chỉ cho các bọn trước ác, không trị phạt mà còn hòa quang là vì cơ duyên chưa thành thực.

Thứ tư, từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là kết luận vô tội.

Người phá giới như thế, dù tuổi nhỏ hay tại gia, ta đều phải cung kính cúng dường.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” là lập dụ, gồm có hai là dụ và hợp. Văn dụ có ba: một, vì thời mà lập dụ; hai, vì đồng mà lập dụ; ba, vì xét tội mà lập dụ. Trong đó có giải thích trì giới và hủy giới, lại chia ra Đại và Tiểu thừa, cho nên phải dùng việc ấy để giải thích văn.

Nắm giữ ngôi pháp chỉ dụ như vua, duyên hết lia thế gian dụ cho vua băng hà, Thái tử dụ cho đệ tử truyền trao hóa độ. Gieo trồng gốc lành đối với chư Phật bằng số cát sông Hy-liên và một sông Hằng thí, vì gốc lành còn cạn mỏng, cho nên nói là còn nhỏ. Đây là dụ cho thời kỳ chánh pháp bị hủy diệt. Chiên-đà-la là hạt giống phá hoại pháp thân tuệ mạng; giàu là dụ cho nghiệp ác thêm lớn; có nhiều quyến thuộc là dụ cho bè đảng phá giới; soán ngôi vua là dụ cho kẻ phá giới thống trị, đây là dụ cho thời kỳ phá giới thêm lớn. Cư sĩ, Bà-la-môn trong nước dụ cho ba hạng người giữ giới. Trong đó, hàng thượng phẩm thì xa lìa, chẳng giống nhau, nên dụ cho việc chẳng muốn gặp vua; hạ phẩm chẳng thể tự xa lìa, nên nói như cây cối. Lại cây cối dụ cho thượng phẩm, như đồng tử chẳng xa lìa mà có khả năng giữ gìn chánh pháp; đây là dụ cho thời kỳ tất cả Hiền thánh ẩn mất không xuất hiện.

“Ngăn chặn các con đường” là nói việc ra uy làm phước. Trong đó “ngăn chặn các con đường” là dụ cho Tỳ-kheo ác lập ra cấm chế phép tắc, ngăn chặn con đường trì giới. Bảy ngày nổi trống là thí dụ lập ra phép tắc, mở cửa buông lung. Quán đảnh sư, ở Ấn Độ ngày xưa khi



vua lên ngôi, thì sai một vị bà-la-môn bảy đời vinh hiển, cao quý, dùng bình báu chứa đầy nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu vua, vị này gọi là Quốc sư. Bảy giờ muốn trao cho ấn thiên tử mà xưng đế hiệu. Việc này dụ cho trong chúng Tỳ-kheo tội ác, cầu yết-ma sư vấn hòa tăng ba lần xuống: “Việc này nên giữ gìn như thế”. Chia cho nửa nước, nghĩa là như Ô-hồ giống như Tăng chánh ở nước này, Đạt-lợi-tra giống như Tăng đô ở nước này, cả hai đồng yết-ma lẫn nhau mà thống lãnh đồ chúng. Nói “không ai đến” là dụ cho việc người giữ giới hổ thẹn khi vào chúng Tỳ-kheo tội ác, chẳng cùng hành sự. Từ câu “mà nói rằng v.v...” trở xuống là ra oai tạo phước, phi pháp càng lừng lẫy. Nói “Nếu chẳng có ai làm Quán đảnh sư” tức là nêu người phá giới làm chủ. Thuốc cam lộ bất tử, tức là nói tiếng tăm lợi dưỡng, các vật an thần đều đồng nhau, là dụ cho thời kỳ phi pháp hưng thịnh.

Thứ hai, từ câu “bảy giờ v.v...” trở xuống là dụ cho hòa đồng. Văn có bốn: một, là đồng tử nhận lãnh; hai, là vua vui mừng; ba, là mọi người giận dữ kinh sợ; bốn, là cùng làm việc lâu dài.

Bà-la-môn là tịnh hạnh; nói đồng tử là dụ cho nhân vị; nhược quán là hai mươi tuổi, là thời kỳ cường tráng, dụ cho hai trí sáng tỏ; hạnh thanh tịnh dụ cho giới; tóc dài dụ cho Từ; giỏi chú thuật trí tuệ khéo léo, ta xưa là đồng sự.

Kế đến vua vui mừng vì việc giáo hóa ác không bị ngưng trệ.

Các Bà-la-môn giận dữ, tức là những người trì giới mà không biết cơ duyên sinh hiềm khích.

Thứ ba, từ câu “Bảy giờ, đồng tử v.v...” trở xuống là vì xét tội mà lập dụ. Gồm có hai: Một, là trị ác; hai, là lập thiện. Trong văn trị ác lại có bốn: Một, cùng nhau tu định; hai, cùng giữ gìn đại pháp; ba, mở mang truyền bá Đại thừa; bốn, là chính thức tấn xuất.

Một là tu định. Ta xả bỏ phép nhà, là trì giới Đại thừa; đến làm thầy vua tức là làm chúng sinh phá giới; dạy cho vua mật chú tức là muốn làm cho vào Đại thừa, nhưng ý này chưa hiển bày nên nói là sâu kín.

Hai, từ “Đồng tử đáp v.v...” trở xuống là nói về cầu pháp.

Thuốc bất tử, tức lý Phật tánh thường trụ ẩn nơi kẻ phá giới. Nói chẳng biết tức là điều ác ngăn che lý mẫu. Nói “mang đi” là chẳng tiếc chúng phá giới, tùy ý người khai hóa.

Ba Từ câu “Bảy giờ v.v...” trở xuống là nhiếp phục Đại thừa để giáo hóa.

Mời các đại thần là dụ cho người đến học; các đại thần tâu vua là

dụ cho người mê đã được khai ngộ, lại truyền hóa cho người. Vua nói với Đại sư là dụ cho sinh tín tâm, cầu giải ngộ.

Bốn, là bấy giờ Đồng tử lại cho các thứ thuốc khác, tức là y luật nghiêm khác trị phạt quả trách. Vua đã uống tức là chịu trị phạt khuất phục; thuốc phát tác làm mê man tức là suy tìm sự lý, phát sinh buồn khổ hối hận, mới tự biết là thầy chết trong biển Phật. Trước là đại thần tâu với vua là hàng Thượng căn đã ngộ; vua hỏi xin được thuốc là hàng Trung căn ngộ; mê man là dụ cho hàng hạ căn ngộ.

Kế đến, từ câu “Lúc ấy v.v...” là lập người lành. Văn có bốn: một, là lập thiện; hai, là đuổi ác; ba, là không phạm; bốn, là phụ khen ngợi.

Nói lập Thái tử con vua trước là dụ cho bản thể Đại thừa trở lại địa vị thống soái. Tòa sư tử của vua chẳng được ngồi, là dụ cho kẻ phá giới chẳng tương ứng với Đệ nhất nghĩa không. Trị quốc chấn dân tức kẻ phá giới làm loạn đạo Thường, nhiễu loạn người dân lành.

Từ câu “Giải độc, v.v...” trở xuống là nói về pháp thật tướng sám hối. Đuổi ra khỏi nước là phước bỏ giới hạn quy định trì phạm được sự phân biệt quyết định của Tiểu thừa.

Thứ ba, thứ tư như văn kinh.

Kế là từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là hợp dụ. Chỉ hợp với hai, chẳng hợp với thời kỳ. Thứ nhất là hợp với nghĩa hòa đồng.

Dùng “năng lực phương tiện” là hợp với câu “Ta xả bỏ phép nhà” ở trên. Cùng với các vị Tăng phá giới chung làm việc, là hợp với câu “làm thầy của vua”. Thích luận nêu lên bốn thứ Tăng, trong Phá giới tăng đồng với Tạp tăng, tức là loại Tăng cất chứa vật bất tịnh; hữu tu tăng tức là Giả danh Tăng.

Từ câu “Bấy giờ, Bồ-tát v.v...” trở xuống là hợp với xét trị kẻ phá giới.

Tám việc bất tịnh là cất chứa vàng bạc, tôi tớ, trâu dê, kho tàng, mua bán, cày cấy, tự tay làm thức ăn, chẳng thọ nhận mà ăn. Vì tám việc này làm nhiễm ô chánh đạo, mất oai nghi, tổn hoại nhiều nên gọi là Bất tịnh.

Từ câu “Bây giờ v.v...” trở xuống là kết thành. Lại có hai: một, là kết luận có tội hay không; hai, là kết luận chỉ vì Bồ-tát, chẳng vì Thanh văn.

Từ câu “Tuy có cung kính, v.v...” trở xuống là nói người giữ giới cung kính người phạm giới mà không có tội; thọ nhận bất cứ vật bất tịnh nào cũng không có tội. “Vì sao v.v...?” trở xuống là giải thích nghĩa không tội.

Từ câu “Vì nhân duyên này, v.v...” trở xuống là nói người giữ giới được người hủy giới cúng dường cũng không có tội như văn ghi.

Kế là nói về việc nếu trái với lời này thì có tội, trái với tâm này là có tội.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là kết luận về Bồ-tát. Có hai ý: một, là trước dẫn kệ; hai, là phán định.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là đoạn thứ bảy phân biệt. Có ba phần: một, là hỏi đáp; hai, là y cứ theo pháp để phân biệt; ba, là nhận lãnh hiểu rõ. Thứ nhất lại có hỏi đáp.

Hỏi có hai ý là có hoãn chẳng và còn hay mất. Lẽ ra là một câu, nhưng Phật trả lời hai câu nên biết có hai ý.

Từ câu “Đức Phật nói v.v...” trở xuống là lời đáp. Trước đáp mất hay chẳng mất, kế đó đáp hoãn hay không. Thứ nhất lại có pháp dụ.

Trong Luật giải thích rằng: “Nếu là người phá giới thì giới sẽ mất”. Các sư số Luận cho rằng giới thể vẫn còn, chỉ giới bị ô nhiễm mà thôi. Văn sau ghi: “Mất hay chẳng mất đều là nói suông, chẳng hiểu được ý Phật”. Nay kinh này nói bốn y hiển bày đồng với phá giới cho nên không mất.

Dụ có hai ý: một, là không sửa thì nước chảy ra, sửa thì nước không chảy ra. Phạm mà sám hối thì chẳng có lỗi, không sám hối thì có lỗi.

Kế là hợp hai dụ rất dễ hiểu.

Kế là từ câu “Đối với thừa, v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi thứ hai.

Xưa nói hàng Thanh văn đối với giới thì gấp, đối với thừa thì hoãn. Có người nói Thừa như giềng mép lưới, giới như mắt, được góc Trung đạo thì giới tự tròn đầy. Nay nói thì chẳng như thế, kinh chỉ nêu Bồ-tát gấp thừa, mà hoãn giới. Nếu nói đủ thì Thanh văn, Bồ-tát mỗi bậc đều có bốn câu, như Biệt ký.

Kế là y cứ theo pháp để phân biệt, gồm có ba ý: một, là y cứ theo ruộng phước để phân biệt; hai, là y cứ theo trí để phân biệt; ba, là y cứ theo mắt trời để phân biệt. Thứ nhất, là y cứ theo ruộng phước lại có ba là pháp, dụ và hợp.

Hỏi: Phẩm Phạm Hạnh ở sau có khiến bình đẳng bố thí, tại sao trái với ý này?

Đáp: có ý nghĩa riêng của đoạn ấy. Ở đây nói bốn y nên phân biệt chân ngụy; phạm hạnh nói về tâm từ bình đẳng, nên chẳng phân biệt, ở đây khuyên làm ruộng phước, Phẩm Phạm Hạnh khuyên làm thí chủ,

v.v...

Thứ hai, từ câu “Như ca-la v.v...” trở xuống là dùng trí để phân biệt. Đầu tiên là dụ, sau là hợp.

Kinh Niết-bàn bản sáu quyển ghi là Ca-lưu-trị-mâu, đều không thấy dịch. Chỉ biết được đây là hai thứ quả một độc một lành, dụ cho người giữ giới và phạm giới. Người nữ dụ cho phạm ngu chấp sự; đứa trẻ dụ cho thí chủ vô trí. Hỏi được quả này nơi nào là tìm thấy cội gốc. Cười mà bỏ đi dụ cho việc đã biết luống dối thì xả bỏ.

Từ câu “Trong đại chúng, v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Thọ tám bất tịnh là hợp với ca-la-ca; chẳng thọ tám bất tịnh là hợp với trần-đầu-ca. Người trì giới và kẻ phá giới cùng trụ là hợp với hai loại cùng trong một khu rừng. Có Ưu-bà-tắc y cứ vào giáo mà hỏi, kể đó là dẫn việc ở Kỳ hoàn làm chứng, kể đó nói chẳng cùng ở chung, v.v... Là hợp với người trí hỏi người nữ.

Từ câu “Nếu có người thọ, v.v...” trở xuống là tự khinh hủy người si mê, hợp với chê cười mà bỏ đi.

Thứ ba là từ câu “Thí như phở chợ, v.v...” trở xuống là y cứ theo trời, người để phân biệt. Gồm có hai phần là dụ và hợp.

Núi Tuyết dụ cho diệu lý Niết-bàn thường trụ. Thuốc là dụ cho hạnh thanh tịnh y cứ vào Niết-bàn lập ra. Người bán thuốc dụ cho kẻ gian xảo làm việc. Vị thuốc khác dụ cho người hủy giới chẳng phân biệt. Người không phân biệt được thuốc dụ cho thí chủ vô trí.

Từ câu “Ca-diếp v.v...” trở xuống là hợp.

Giả danh tăng hợp với vị thuốc khác; chân thật tăng hợp với thuốc cam lộ: Mất thịt hợp với người không biết phân biệt; Mất trời hợp với người khéo phân biệt. Mất trời không chỉ có thể phân biệt được nhân luống dối, không nên lễ bái cúng dường mà còn thấy được quả chẳng nên lễ bái cúng dường.

Thứ ba, từ câu “Ca-diếp bạch rằng, v.v...” trở xuống là phần lãnh giải. Đầu tiên là khen ngợi, kế là vâng lãnh.

Từ câu “Như lời Thế Tôn nói v.v...” trở xuống là đoạn thứ tám, hội thông pháp bốn y của giáo xưa và người bốn y của giáo nay. Văn có hỏi và đáp. Trong phần hỏi lại có hai phần nêu y của giáo xưa và xin hội thông.

Đầu tiên là nêu y của giáo xưa. Nhưng A-hàm nêu ra thứ lớp của bốn y như sau: Y pháp chẳng y người, y liễu nghĩa chẳng y chẳng liễu nghĩa, y nghĩa chẳng y ngữ, y trí chẳng y thức. Thứ lớp này đối với ngài Ca-diếp nêu ở đây có khác nhau. Lương Vũ Đế cho rằng: “Văn này là

nhất định”. Các Pháp sư khác nói: “Kinh này nêu lên các y của giáo xưa nên A-hàm là nhất định; hoặc cho rằng người dịch kinh lầm, hoặc cho rằng đối với giáo xưa tuy là liễu, nhưng đối với giáo này thì chẳng liễu, nêu y liễu nghĩa đặt ở sau.”

Nay ta lấy giải thích về thứ lớp của A-hàm, người của giáo nghĩa xưa là vô thường, nên chẳng thể nương tựa; còn pháp Thường là pháp đáng được nương theo. Pháp có Đại và Tiểu, pháp Đại là liễu nghĩa vì thể đáng nương theo. Vì đối với ngôn ngữ dễ sinh chấp trước, nên chẳng đáng được nương theo; thấu suốt được nghĩa ẩn trong ngôn ngữ, thể của nghĩa không dính mắc, nên cần phải nương theo. Thức thì chấp trước, trí thì Giải thoát, vì thế nên nương theo trí.

Từ câu “Bốn pháp như thế v.v...” trở xuống là chánh thỉnh hội thông.

Từ câu “Đức Phật bảo rằng, v.v...” trở xuống là lời đáp có hai: Trước là hội thông riêng, sau là hội thông chung. Sở dĩ hội thông chính là vì nói. Nay y người và xưa y pháp, hai lời trái nhau nên phải hội thông riêng. Văn có bốn: Một, là hội người và pháp, y pháp tức y người; hai, là nói xưa chẳng y người, tức chẳng y vào người không có pháp; ba, nói nay y người là y người có pháp; bốn, nêu người dưới để so sánh với người trên.

Đầu tiên là nói y pháp tức y người, người và pháp chẳng khác. Hưng Hoàng nói: Xưa lấy pháp bỏ người, kết cuộc trở lại y trí; nay lấy người bỏ pháp, kết cuộc trở lại y người. Vậy người xưa đã phá, pháp xưa cũng dứt. Người nay đã tồn tại, pháp xưa cũng lấy. Người và pháp của giáo nay không hai. Người xưa tức là Thanh văn, Duyên giác, đâu thể y được. Pháp xưa tức là giáo phương tiện Bán tự, nếu chẳng ngộ được thì cũng nên phá, nếu có người liễu ngộ được thì chẳng trừ pháp này.

Kế là, từ câu “Lại có, v.v...” trở xuống là nói xưa chẳng y theo người không có pháp.

Từ câu “Như trên đã nói v.v...” trở xuống là nói nay y chỉ người có pháp:

Thứ nhất là nói nên y chỉ.

Thứ hai, là giải thích nên y chỉ.

Thứ ba, là khen ngợi đức.

Thứ tư, là giải thích lời khen.

Từ câu “Nếu có người v.v...” trở xuống là nêu người dưới so sánh với người trên.

Nói hàng ngoại đạo phàm phu biết Phật là thường trụ, lại chẳng bị

lợi dưỡng xoay chuyển, còn có thể y chỉ, hướng chi bốn hạng người mà chẳng y chỉ hay sao?

Kế đến, từ câu “Y pháp v.v...” trở xuống là hội chung bốn y. Có ba: một, là y theo giáo này mà hội; hai, là nêu xưa nay đối đãi để hội; ba, là kết luận. Thứ nhất có hai là hội và kết luận. Đầu tiên là y cứ theo thứ lớp để hội. Văn có bốn đoạn:

1/ Y pháp có ba cặp: một, là gồm nêu; hai, là gồm giải thích; ba, là gồm kết luận.

Y pháp tức là pháp diệu hữu, chẳng y hàng Thanh văn tức là gồm nêu.

Pháp tánh tức là Như Lai, Thanh văn tức là hữu vi là gồm giải thích.

Gồm kết luận rất dễ hiểu.

Văn kể gồm có hai: Một là hội y nghĩa.

Giác liễu tức Bát-nhã, chẳng yếu kém là Pháp thân, đầy đủ là Giải thoát. Giáo xưa nêu đủ Giải thoát thì không có thân trí, thân trí còn thì Giải thoát chẳng đầy đủ, lại chẳng được Tam bảo.

2/ Từ câu “Chẳng y ngữ v.v...” trở xuống gồm có hai đoạn, trước nói về ngữ không có lý, sau nói về ngữ loạn chánh, thứ nhất.

Câu “Như lời Phật dạy tham cầu không thỏa mãn” v.v... trở xuống có hai cách giải thích: một, cho rằng đây là Đức Phật dẫn lời trong kinh điển của ngoại đạo; hai, cho rằng Đức Phật tự nói kinh, phạm phu chấp đắm sinh lỗi, chẳng được y theo đó mà tu hành.

Từ câu “Lại nói rằng v.v...” trở xuống là làm loạn chánh pháp.

3/ Giải thích y trí chẳng y thức.

Nếu biết Pháp thân là thường, tức là chân trí, nếu nói vô thường tức là thức.

4/ Giải thích liễu nghĩa. Có ba phần: một, là nêu tông; hai, là đối với các pháp; ba, là nói về tông.

Đầu tiên là y cứ theo hai duyên của Đại thừa để so sánh với liễu nghĩa và chẳng liễu nghĩa.

Kế là, từ câu “Lại có Thanh văn v.v...” trở xuống là nói về các pháp. Có năm cặp đối đãi là: một, đại tiểu thường vô thường, đại tiểu nói thật hay chẳng thật, diệt hay chẳng diệt, theo văn rất dễ hiểu.

Từ câu “Thanh văn thừa v.v...” trở xuống là phần nói về tông. Đầu tiên là nói về Tiểu thừa, sau nói về Đại thừa; mỗi thừa đều có trước nêu, kế là giải thích về sau là kết luận.

Kế là, từ câu “Bốn y như thế v.v...” trở xuống là tổng kết.

Từ câu “Vả lại y nghĩa v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói về xưa nay đối đãi hội thông, để giải thích hai ý trước. Văn cú liên quan với pháp và người chỉ có ba. Toàn đoạn có ba phần: một, là giải thích chung hai y; hai, là giải thích y thứ ba; ba, là giải thích y thứ tư. Thứ nhất là giải thích hai y, lại có ba ý: một, là giải thích y nghĩa gồm với y pháp; hai, là giải thích chẳng y nhân; ba, là giải thích chẳng y ngữ.

Thứ nhất, chỉ nói về y nghĩa, kể đó về sau chẳng nói về ý ngữ, nhưng ngữ thể vẫn làm nhân cho nhau, nên vẫn nói đến chẳng y người. Lại nói về y nghĩa tức là y pháp, vì thế không có văn y pháp riêng, nhưng có y nhân. Đây là thứ nhất chỉ nói về y nghĩa. Từ câu “Pháp gọi là thường v.v...” trở xuống là giải thích pháp, sau là kết luận hai ý.

Từ câu “Nếu có người nói v.v...” trở xuống là giải thích chẳng y người.

Từ câu “Nếu có người v.v...” trở xuống là giải thích chẳng y ngữ.

Từ câu “Y trí v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích riêng về y thứ ba, y trí chẳng y thức.

Cái gọi là thức làm, thức thọ, không có hòa hợp tăng, nhưng chỉ có thức làm nhân, thọ thức của quả chấp trước, đó đều là sinh tử, chẳng phải là Tăng thường trụ nhất thể.

Thứ ba, từ câu “Y liễu nghĩa v.v...” trở xuống là giải thích riêng về y thứ tư, nói về liễu nghĩa và chẳng liễu nghĩa.

Nếu nói có chín duyên được nhận chứa tám vật bất tịnh, tức là liễu nghĩa:

1. Không có đàn-việt cung cấp.
2. Gặp thời đói kém.
3. Xây dựng chánh pháp.
4. Tịnh thí.

- Có nhiều cách giải khác nhau:

1. Có đủ bốn duyên mới được cất chứa.
2. Hễ được một duyên nào đều được.

3. Trong ba duyên trước mỗi duyên đều được cất chứa, nhưng phải tịnh thí.

Một việc tịnh thí đã chẳng thể không có, thế thì hai duyên đầy đủ mới được cất chứa.

Nếu nói đúng thời hay không đúng thời, đều cho phép cất chứa thì chẳng liễu nghĩa. Ba phần tức là ba tạng.

Từ câu “Ta vì v.v...” trở xuống là thứ ba kết luận.

Hoặc có lúc mắt thịt và mắt trời đối đãi nhau, thì chướng ngại

trong và ngoài; hoặc mắt pháp, mắt tuệ đối đãi nhau thì nói về chiếu chân tục, khác với ở đây dùng mắt thị và mắt tuệ đối đãi để nói về phàm Thánh khác nhau.

